

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Đinh Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thủy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị P, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Xóm T, xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

Hiện đang ở T, thành phố Matsudo, tỉnh Chiba T270-2261-2-24-1-47-404, Nhật Bản (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Xóm T, xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Triệu Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 18 tháng 01 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và kết hôn. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến không thể hòa hợp. Năm 2023, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó mâu thuẫn ngày càng

căng thẳng hơn. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng quá xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Nguyễn Huy T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hồng N, giao cháu Nguyễn Tiến Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên do chị đang làm xa nhà nên đề nghị giao cháu N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong khi chị không ở trong nước, sau khi chị P trở về Việt Nam, chị xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Hồng N.

Về cấp dưỡng: Chị tự nguyện cấp dưỡng cho cháu N trong thời gian nhờ anh Nguyễn Huy T trực tiếp nuôi cháu N là 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Huy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời khai của chị P là chính xác, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 18 tháng 01 năm 2013. Anh xác định tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể hòa giải. Chị P xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hồng N và Nguyễn Tiến Đ. Về cấp dưỡng: Anh nhất trí chị P cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết

Về nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:
+ Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

+ Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

- Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

+ Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH:

• Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị P có trách nhiệm cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do hai bên đều không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

- Chị Triệu Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Chị Triệu Thị P có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Huy T, cả hai đều có địa chỉ thường trú tại Xóm T, xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên nên là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Triệu Thị P là nguyên đơn hiện đang ở Nhật Bản, đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo chị P nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đều có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.]. Hiện nay chị P đang làm việc tại Nhật Bản, có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Căn cứ Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị P.

Về nội dung vụ án:

[3.]. Về quan hệ vợ chồng:

[3.1.]. Việc kết hôn giữa chị Triệu Thị P và anh Nguyễn Huy T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.2.]. Chị P và anh T đều xác định: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể hòa hợp. Anh T và chị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn.

[3.3.]. Như vậy, có căn cứ cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T đã không còn, sự quan tâm chăm sóc, tôn trọng và thương yêu nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình không đạt được, đến nay anh chị đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng,

không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P, cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[4.]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

[4.1.]. Chị P và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015. Tại đơn xin ly hôn của chị P, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hồng N, giao cháu Nguyễn Tiến Đ do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị ở nước ngoài thì để anh T giúp chị nuôi cháu N. Còn anh T có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, với lý do hiện chị P đang ở nước ngoài và hai con đang ở với anh, việc sinh hoạt học tập đều đang ổn định.

[4.2.]. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị P đang làm việc tại Nhật Bản không có mặt tại Việt Nam, để đảm bảo sự ổn định, tránh xáo trộn trong cuộc sống và ảnh hưởng về tâm lý của con trẻ sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam và Điều 6 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP TAND Tối cao. Mặt khác, việc giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng cơ bản cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của chị P, cũng như ý kiến của hai con chung. Khi chị Triệu Thị P về nước thì có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh T nuôi con, chị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4.3.]. Về cấp dưỡng: Chị P tự nguyện cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ tháng cho cháu N trong khi anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N khi chị làm việc tại Nhật Bản, anh T nhất trí. Hội đồng xét xử đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015 là 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2024, đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5.]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[6.]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7.]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[8.]. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 273; Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2.Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Triệu Thị P. Chị Triệu Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Triệu Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 26/02/2015 kể từ tháng 12 năm 2024, đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định.

2.4. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Triệu Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000214 ngày 20/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Huy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ tuyên án; chị Triệu Thị P được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã V, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy